

Bản án số: 198/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 31 – 5 – 2022

“V/v ly hôn giữa
chị T1 và anh K ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Hồ Thị Kim Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Tám

2. Bà Huỳnh Thị Thể Phương

- Thư ký phiên tòa: ông Trần Thiện Nhân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa:

Ông Lưu Tiến Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 101/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2022/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị T1, sinh năm 1992 (*có đơn xin vắng mặt*).

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 431, tổ 15, ấp H, thị trấn V, huyện T, tỉnh An Giang.

Chỗ ở hiện tại: Số 859, tổ 08, ấp Th, xã B , huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Số điện thoại: 0949. 56. 88. 54

2. Bị đơn : anh K, sinh năm 1987 (*vắng mặt*).

Địa chỉ: Số 431, tổ 15, ấp H, thị trấn V, huyện T, tỉnh An Giang.

Số điện thoại: 081. 418. 52. 39

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 07/02/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị T1 trình bày:

+ Quan hệ hôn nhân: Năm 2012 thông qua mai mối chị và anh K tự nguyện kết hôn, năm 2014 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện T, tỉnh An Giang, Giấy chứng nhận kết hôn số 96/2014 ngày 21/6/2014. Vợ chồng sống bình thường đến năm 2019 phát sinh mâu thuẫn do anh K ăn chơi, cờ bạc gây nợ nần, cha chồng phải trả nợ, vợ chồng thường xuyên cãi vã và anh K bỏ đi làm tại Thành phố Hồ Chí Minh, từ năm 2019 đến nay vợ chồng ly thân, không gần gũi. Chị cho anh K biết chị gửi đơn ly hôn đến Tòa án, anh K nói anh không đến Tòa án, nếu Tòa án cho ly hôn thì ly hôn. Nay, chị không còn tình cảm và chị yêu cầu được ly hôn anh K.

+ Nuôi con chung: anh chị có 02 con chung song sinh tên Phạm T2 và Phạm L, sinh cùng ngày 18/4/2015, cả hai con chung chị T1 nuôi dưỡng từ lúc vợ chồng ly thân đến nay. Chị T1 yêu cầu tiếp tục nuôi hai con và yêu cầu anh K cấp dưỡng cho con theo quy định pháp luật. Cháu T2 và cháu L đã trên 07 tuổi có nguyện vọng sống với mẹ.

+ Về chia tài sản và nợ chung: không có.

Ngày 09 tháng 3 năm 2022 chị T1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn là anh K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt. Không có lý do, không cung cấp tài liệu, chứng cứ nên không có lời khai và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Theo chị T1 trình bày, mâu thuẫn vợ chồng nêu trên có mẹ ruột bà L1 và cha chồng tên ông T3 biết.

Tại Tờ tường trình ngày 15/3/2022 của bà bà L1 cho biết, bà là mẹ ruột chị T1, chồng của T1 tên Phạm Văn K. Sau khi cưới T1 và K ở bên nhà chồng, năm 2019 vợ chồng mâu thuẫn do K ăn chơi, cờ bạc gây nợ nần, anh sui là cha K phải trả nợ, K bỏ đi làm ở Thành phố Hồ Chí Minh và vợ chồng ly thân từ năm 2019

đến nay, tháng 12/2021 chị T1 mang hai con về sống với bà. Nay, chị T1 yêu cầu ly hôn anh K, bà đề nghị Tòa án cho ly hôn.

Ngày 14/6/2022 Tòa án có đến nhà ông ông T3 là cha ruột anh K để xác minh về tình trạng hôn nhân giữa chị T1 và anh K, nhưng không xác minh được do nhà đóng cửa.

Tại biên bản xác minh ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Tòa án, được ông Ông C là thành viên Ban ấp H, thị trấn V cho biết anh K có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp H, thị trấn V, huyện T, tỉnh An Giang sống cùng nhà cha ruột ông T3, do anh K ăn chơi, cờ bạc gây nợ nần và gia đình phải trả nợ, nên vợ chồng mâu thuẫn, hiện nay anh K đi làm xa, thỉnh thoảng có về nhà.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn không chấp hành đúng nghĩa vụ tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án, đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T1 đối với anh K theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; về nuôi con chung, đề nghị giao 02 con chung cho chị T1 nuôi dưỡng là cháu Phạm T2 và Phạm L, sinh cùng ngày 18/4/2015, chị T1 yêu cầu cấp dưỡng nên anh K phải cấp dưỡng cho con theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình; về chia tài sản và nợ chung không có; về án phí chị T1 phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: chị T1 khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh K, Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị T1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố Tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị T1 và anh K.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] Hôn nhân của chị T1 và anh K là hợp pháp, vì anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Xét tình trạng hôn nhân của anh chị thấy rằng, năm 2019 phát sinh mâu thuẫn do anh K ăn chơi, cờ bạc gây nợ nần

dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã và ly thân, từ tháng 02/2021 đến nay chị T1 và hai con về nhà cha mẹ ruột để sinh sống tại xã B, huyện N, tỉnh Đồng Tháp, anh K vắng mặt không gửi cho Tòa án nêu ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của chị T1, cho thấy anh K không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, mẹ chị T1 đề nghị Tòa án cho ly hôn. Từ đó, cho thấy hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T1 và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, cho ly hôn giữa chị T1 và anh K.

[2.2] Về nuôi con chung: chị T1 và anh K có 02 con chung song sinh tên Phạm T2 và Phạm L, sinh cùng ngày 18/4/2015, cả hai con chung chị T1 nuôi dưỡng từ lúc ly thân đến nay. Chị yêu cầu tiếp tục nuôi hai con và yêu cầu anh K cấp dưỡng cho con theo quy định, hai cháu cũng có nguyện vọng sống với mẹ. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận giao con cho chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng và buộc anh K phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về mức cấp dưỡng, theo các Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình và tại mục 2 phần III của Công văn số 24/1999/KHXX ngày 17-3-1999 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn mức đóng góp phí tổn nuôi dưỡng, giáo dục con tối thiểu Không dưới $\frac{1}{2}$ (một phần hai) mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định tại thời điểm xét xử sơ thẩm. Hiện nay, mức lương cơ sở là 1.490.000đ, nếu tính $\frac{1}{2}$ thì bằng 745.000đ/tháng/01 cháu, nên anh K phải cấp dưỡng hằng tháng cho hai con, mỗi con 745.000đ x 02 con = 1.490.000đ/tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày 30 tháng 6 năm 2022 đến khi cháu T2 và cháu L thành niên và lao động được.

[2.4] Căn cứ khoản 3 Điều 82, Điều 83, 84, 116 Luật Hôn nhân và gia đình anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng cho con.

[2.5] Về chia tài sản: chị T1 khai không có nên không xem xét.

[2.6] Về nợ chung: ghi nhận chị T1 xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ

chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[3] Về án phí, chị T1 phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm và anh K phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 2 và khoản 3 Điều 82, Điều 83, 84, 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: cho ly hôn giữa chị T1 và anh K. Giấy chứng nhận kết hôn số 96/2014 ngày 21/6/2014 của Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện T, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về nuôi con chung: giao 02 con chung song sinh tên Phạm T2 và Phạm L, sinh cùng ngày 18/4/2015 cho chị T1 tục tiếp nuôi, cả hai con chị T1 đang nuôi dưỡng. Anh K phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho hai con mỗi tháng 1.490.000đ, kể từ ngày 30 tháng 6 năm 2022 đến khi cháu T2 và cháu L thành niên và lao động được.

Anh K không trực tiếp nuôi con, anh có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng cho con.

3. Về chia tài sản: Không có.

Về nợ chung: ghi nhận chị T1 xác định Không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng

minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

4. Về án phí:

- Chị T1 phải chịu áp phí hôn nhân sơ thẩm 300.000đ được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0004363 ngày 09/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh An Giang.

- Anh K phải chịu án phí cấp dưỡng 300.000đ.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS H. T;
- UBND TT Chợ Vàm;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Kim Phương